

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Giao thông vận tải; thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra ngành Giao thông vận tải; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải theo ủy quyền hoặc phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Giao thông vận tải.

Điều 3. Áp dụng điều ước quốc tế

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Chương II
TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN
CỦA CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THANH TRA
NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

Điều 4. Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Giao thông vận tải

1. Cơ quan thanh tra nhà nước
 - a) Thanh tra Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Thanh tra Bộ);
 - b) Thanh tra Sở Giao thông vận tải (sau đây gọi là Thanh tra Sở).
2. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành
 - a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
 - b) Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam và Cục Hàng hải Việt Nam;
 - c) Chi cục Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (sau đây gọi là Chi cục Đường thủy nội địa);
 - d) Cảng vụ Hàng không, Cảng vụ Hàng hải và Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (sau đây gọi là Cảng vụ Đường thủy nội địa);
 - đ) Cơ quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, các Thanh tra viên và công chức khác.

Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Chính phủ.

Phó Chánh Thanh tra Bộ do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ. Phó Chánh Thanh tra Bộ giúp Chánh Thanh tra Bộ phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chánh Thanh tra Bộ về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thanh tra Bộ có các phòng nghiệp vụ. Bộ trưởng quyết định thành lập phòng nghiệp vụ thuộc Thanh tra Bộ.

3. Thanh tra Bộ có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 18 Luật Thanh tra, Điều 7 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công tác thanh tra ngành Giao thông vận tải.
2. Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Hướng dẫn Kế hoạch thanh tra ngành Giao thông vận tải; kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Giao thông vận tải.
3. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thanh tra cho thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và cộng tác viên thanh tra.
4. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra.
5. Chủ trì Đoàn thanh tra liên ngành hoặc tham gia các Đoàn thanh tra liên ngành do bộ, ngành, địa phương thành lập.
6. Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Sở.
7. Yêu cầu Thanh tra Sở tổng hợp, báo cáo về công tác thanh tra thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.
8. Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra ngành Giao thông vận tải.
9. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

Chánh Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 19 Luật Thanh tra, Điều 8 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.
2. Thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.
3. Yêu cầu Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục: Đường sắt Việt Nam, Đường thủy nội địa Việt Nam, Hàng không Việt Nam và Hàng hải Việt Nam tiến hành thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

4. Trung tập công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra; mời chuyên gia kỹ thuật tham gia Đoàn thanh tra khi cần thiết.

5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

6. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 8. Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên và công chức khác.

Chánh Thanh tra do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh.

Phó Chánh Thanh tra do Giám đốc Sở bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra. Phó Chánh Thanh tra giúp Chánh Thanh tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh Thanh tra.

2. Thanh tra Sở được tổ chức các đội nghiệp vụ.

3. Thanh tra Sở có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 24 Luật Thanh tra, Điều 13 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải.

3. Thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý ngành, lĩnh vực của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải, gồm:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ (bao gồm cả đường bộ trong đô thị), đường thủy nội địa, đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị (nếu có) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp quản lý hoặc được ủy quyền quản lý;

b) Điều kiện bảo đảm an toàn của phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa (trừ tàu biển), đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị;

c) Vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải;

d) Đào tạo, sát hạch, cấp bằng, giấy phép, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ cho người điều khiển phương tiện giao thông và người vận hành phương tiện, thiết bị chuyên dùng trong giao thông vận tải theo phân cấp;

đ) Việc kiểm định kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông vận tải theo phân cấp;

e) Phối hợp với lực lượng công an và các tổ chức, lực lượng có liên quan khác trong việc phòng ngừa và xử lý các vi phạm nhằm bảo đảm trật tự an toàn giao thông vận tải trong phạm vi trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải;

g) Phối hợp và hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, tổ chức thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải của Trung ương đặt tại địa phương trong hoạt động thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính việc chấp hành các quy định về bảo vệ, chống lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải trực tiếp quản lý.

4. Thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

5. Chủ trì các Đoàn thanh tra liên ngành hoặc tham gia các Đoàn thanh tra liên ngành do các sở, ngành ở địa phương thành lập; tham gia các Đoàn thanh tra do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra Bộ thành lập.

6. Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải.

7. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

Chánh Thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 25 Luật Thanh tra, Điều 14 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

2. Quyết định thành lập Đoàn thanh tra theo kế hoạch; quyết định việc thanh tra đột xuất theo quy định của pháp luật; trình Giám đốc Sở ra quyết định thành lập Đoàn thanh tra liên ngành theo kế hoạch thanh tra được phê duyệt hoặc theo yêu cầu đột xuất.

3. Trưng tập công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia hoạt động thanh tra; mời chuyên gia tham gia Đoàn thanh tra khi cần thiết.

4. Xây dựng kế hoạch công tác; chỉ đạo đội thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính.